

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2209** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **27** tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá nhân công tư vấn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2310/SXD-KTXD ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Sở Xây dựng Báo cáo làm rõ một số nội dung liên quan đến đơn giá nhân công xây dựng và nhân công tư vấn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá nhân công tư vấn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam (chi tiết theo Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá nhân công tư vấn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam là cơ sở để các tổ chức, cá nhân có liên quan lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng vốn khác áp dụng đơn giá nhân công theo Quyết định này.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; kịp thời nghiên cứu, tham mưu công bố điều chỉnh đơn giá nhân công xây dựng khi có biến động về giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo Văn bản số 1291/BXD – KTXD ngày 23/3/2020 của Bộ Xây dựng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- VPUB: LĐVP, GTXD, KT, TH;
- Lưu VT, GTXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chức

PHỤ LỤC

Đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá nhân công tư vấn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Công bố kèm theo Quyết định số **2209** /QĐ-UBND ngày **27** /10/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Nhóm nhân công xây dựng	Cấp bậc bình quân	Đơn giá (đồng/ngày)	
			Vùng III	Vùng IV
I	Công nhân xây dựng			
1	Nhóm 1	3,5/7	200.000	190.000
2	Nhóm 2	3,5/7	207.000	197.000
3	Nhóm 3	3,5/7	207.000	197.000
4	Nhóm 4	3,5/7	207.000	197.000
5	Nhóm 5	3,5/7	207.000	197.000
6	Nhóm 6	3,5/7	207.000	197.000
7	Nhóm 7	3,5/7	207.000	197.000
8	Nhóm 8	3,5/7	207.000	197.000
9	Nhóm 9	2/4	228.000	217.000
10	Nhóm 10	2/4	246.000	237.000
II	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm	4/8	246.000	237.000
III	Nghệ nhân	1,5/2	527.000	502.000
IV	Thuyền trưởng, thuyền phó			
1	Thuyền trưởng	1,5/2	443.000	422.000
2	Thuyền phó	1,5/2	390.000	370.000
V	Thủy thủ, thợ máy	2/4	300.000	285.000
VI	Thợ điều khiển tàu sông	1,5/2	330.000	313.000
VII	Thợ lặn	2/4	512.000	491.000
VIII	Tư vấn xây dựng			
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án		730.000	650.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn		570.000	500.000
3	Kỹ sư		470.000	420.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề		340.000	290.000

Ghi chú:

- Vùng III: Thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên, huyện Kim Bảng;
- Vùng IV: Các huyện còn lại.

2